

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **32/2024/DSST**
Ngày: 19/6/2024
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trần Thị Chín;

2/ Bà Trần Thị Hải;

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 245/2023/TLST – DS ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST – DS ngày 6 tháng 6 năm 2024 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Bàn Giang H; Sinh năm: 1954

Địa chỉ: thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Bà Phan Thị Dung N; Sinh năm: 1978

Địa chỉ: Thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn T; Sinh năm: 1991

Địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn và Đại diện theo ủy quyền của bị đơn có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn ông Bàn Giang H trình bày: Ông có vườn sầu riêng khoảng 02 ha tại thôn 4, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Khi chuẩn bị đến mùa thu hoạch

sầu riêng thì bà Phan Thị Dung N vào xem vườn sầu riêng của ông và thỏa thuận mua sầu riêng với giá 400.000.000 đồng. Sau khi thống nhất thì bà Phan Thị Dung N đặt cọc cho ông số tiền 100.000.000 đồng, số tiền 300.000.000 đồng còn lại khi nào bà Phan Thị Dung N vào cắt thì sẽ trả tiền. Sau khi thống nhất và giao tiền thì các bên làm giấy tờ mua bán sầu riêng. Sau đó bà Phan Thị Dung N đưa thêm cho ông số tiền 100.000.000 đồng (đưa làm nhiều lần thành số tiền 100.000.000 đồng). Đến ngày 17/6/2023 thì bà Phan Thị Dung N dẫn người vào vườn cắt sầu riêng. Khi vào vườn thì bà Phan Thị Dung N đưa cho ông số tiền 200.000.000 đồng (đưa tiền mặt). Địa điểm giao tiền tại chòi dựng trong vườn sầu riêng. Sau khi đưa tiền thì người làm của bà Phan Thị Dung N tiến hành cắt sầu riêng. Sau khi cắt xong sầu riêng thì bà Phan Thị Dung N hỏi ông để vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Do tin tưởng bà Phan Thị Dung N và đang cầm sẵn tiền nên ông đồng ý cho bà Phan Thị Dung N vay số tiền 200.000.000 đồng và thỏa thuận thời hạn trả là ngày 17/8/2023. Khi vay tiền thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng và không thế chấp tài sản. Việc vay tiền có làm giấy tờ do bà Phan Thị Dung N viết và ký nhận. Ngoài ra, việc vay tiền có bà Triệu Thị C và bà Đặng Thị L chứng kiến. Tuy nhiên, khi đến hạn trả nợ, bà Phan Thị Dung N không trả theo thỏa thuận làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Dung N trả số tiền vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị Dung N trả số tiền vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến ngày xét xử là 2.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị Dung N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày: Bà Phan Thị Dung N không thừa nhận việc vay tiền của ông Bàn Giang H. Bà Phan Thị Dung N không thừa nhận nội dung ghi nhận trong giấy vay tiền lập ngày 17/6/2023 và không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền lập ngày 17/6/2023 là chữ ký, chữ viết của bà Phan Thị Dung N. Do đó, bà Phan Thị Dung N không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Giang H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bàn Giang H, buộc bị đơn bà Phan Thị Dung N trả tiền vay 200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là 2.000.000 đồng cho ông Bàn Giang H. Tổng cộng số tiền phải trả là 202.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét: Ông Bàn Giang H khởi kiện bà Phan Thị Dung N yêu cầu trả số tiền vay 200.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Bà Phan Thị Dung N không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Giang H. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn bà Phan Thị Dung N cư trú tại thôn 3, xã B, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét giao dịch giữa ông Bàn Giang H và bà Phan Thị Dung N được xác lập ngày 17/6/2023. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ông Bàn Giang H khởi kiện yêu cầu trả số tiền gốc và tiền lãi. Tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: *“Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”*. Theo lời khai của nguyên đơn cũng như nội dung của giấy mượn nợ thì thời hạn trả là ngày 17/8/2023. Ngày 13/11/2023, ông Bàn Giang H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án. Do đó, yêu cầu trả tiền gốc và tiền lãi của ông Bàn Giang H vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện.

[4] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Bàn Giang H yêu cầu bà Phan Thị Dung N trả số tiền vay 200.000.000 đồng: Ông Bàn Giang H khai nhận ông có cho bà Phan Thị Dung N vay số tiền là 200.000.000 đồng. Thời hạn trả là ngày 17/8/2023. Việc vay tiền có làm giấy mượn nợ lập ngày 17/6/2023, bà Phan Thị Dung N có ký nhận. Ông Bàn Giang H cung cấp cho Tòa án giấy vay tiền lập ngày 17/6/2023 để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông. Quá trình giải quyết vụ án, bà Phan Thị Dung N không thừa nhận lời khai của ông Bàn Giang H. Bà Phan Thị Dung N không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền lập ngày 17/6/2023. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án ban hành Thông báo số 14/TB-TA ngày 24/4/2024 yêu cầu bà Phan Thị Dung N nộp đơn yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết trong giấy vay tiền lập ngày 17/6/2023. Tuy nhiên, bà Phan Thị Dung N không thực hiện theo nội dung Thông báo. Ngoài ra, bà Phan Thị Dung N không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời khai của bà nên không có cơ sở chấp

nhận lời khai của bà Phan Thị Dung N. Như vậy, có đủ cơ sở xác định việc bà Phan Thị Dung N vay tiền của ông Bàn Giang H là có thật.

Trong giấy vay tiền lập ngày 17/6/2023 có ghi nhận “*thời gian hoàn trả 17/8/2023*”. Nội dung của giấy vay tiền phù hợp với lời khai của ông Bàn Giang H. Như vậy, thời hạn bà Phan Thị Dung N phải trả tiền vay cho ông Bàn Giang H chậm nhất là ngày 17/8/2023. Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn*”. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của ông Bàn Giang H về việc yêu cầu bà Phan Thị Dung N trả số tiền vay 200.000.000 đồng là có cơ sở.

[5] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Bàn Giang H khai nhận khi vay tiền các bên có thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng, thời hạn trả 02 tháng. Lời khai của ông Bàn Giang H phù hợp với giấy vay tiền lập ngày 17/6/2023. Do đó, xác định đây là hợp đồng vay có thời hạn và vay có lãi. Tại khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: “*Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau: a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này; b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”. Tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay*”. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, ông Bàn Giang H yêu cầu bà Phan Thị Dung N trả tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến ngày xét xử với số tiền là 2.000.000đ. Xét thấy, số tiền lãi mà ông Bàn Giang H yêu cầu là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, số tiền vay và tiền lãi bà Phan Thị Dung N phải trả cho ông Bàn Giang H tổng cộng là 200.000.000 đồng tiền gốc + 2.000.000 đồng tiền lãi = 202.000.000 đồng.

[6] Các nội dung khác:

[6.1] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: “*Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận*”. Do đó, bị đơn bà Phan Thị Dung N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận là 10.100.000đ.

[6.2] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bàn Giang H về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bị đơn bà Phan Thị Dung N trả cho nguyên đơn ông Bàn Giang H số tiền vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi là 2.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền phải trả là: 202.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn bà Phan Thị Dung N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 10.100.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/6/2024).

Nơi nhận:

- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh

